

Bản án số: **424/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: **30-8-2022**

V/v: “*Ly hôn, nuôi con*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Hoàng L**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị H**

Bà **Nguyễn Thị L**

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Đỗ Thị L** - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Minh V** - Kiểm sát viên.

Ngày **30** tháng **8** năm **2022**, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình về “*Ly hôn, nuôi con*” thụ lý số 356/2022/TLST–HNGĐ ngày 26/7/2022. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/8/2022 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Chị **Bùi Thị H**, sinh năm 1985

Nơi đăng ký HKTT: đội 7, thôn A, xã C, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

Hiện cư trú tại: đội 2, thôn B, xã D, huyện E, G.

* **Bị đơn:** Anh **Nguyễn Văn B**, sinh năm 1986

Nơi đăng ký HKTT và cư trú: Đội 7, thôn A, xã C, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

Tại phiên tòa: Chị **Bùi Thị H** và anh **Nguyễn Văn B** đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Nguyên đơn - **Chị Bùi Thị H** trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh **Nguyễn Văn B** quen biết và tìm hiểu nhau trong quá trình đi làm ăn ở nước ngoài. Đến năm 2018, chị và anh **Nguyễn Văn B** kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội vào ngày 21/5/2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại gia đình nhà anh B xã C, huyện Chương Mỹ được khoảng 03 tháng thì anh B tiếp tục đi nước ngoài làm ăn, khi đó chị đang có thai được 06 tháng. Sau khi chị sinh cháu **Nguyễn Quốc V** được 18 ngày thì anh B về Việt Nam, đến khi cháu **Nguyễn Quốc V**

được 09 tháng tuổi thì anh B tiếp tục đi nước ngoài cho đến tết năm 2022 thì anh B về nước.

Trước khi anh B về Việt Nam thì năm 2020, giữa chị và gia đình nhà chồng (anh B) có mâu thuẫn nên chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Đến đầu năm 2022, chị và cháu Nguyễn Quốc V chuyển đến Đội 2, thôn B, xã D, huyện E, tỉnh G để ở do chị làm thợ may tại nhà của thím chị vì chị đang ở cùng với thím chị.

Khi anh B từ nước ngoài về thì chị có bảo anh B về tỉnh G để vợ chồng cùng làm ăn nhưng anh B không đồng ý và muốn chị về nhà anh B ở xã C để ở. Do có mâu thuẫn với gia đình nhà chồng nên chị không về, anh B không muốn xuống G để làm ăn cùng với chị nên từ đó vợ chồng mâu thuẫn và tình cảm lạnh nhạt.

Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B để chị ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Văn B có 01 con chung là cháu Nguyễn Quốc V, sinh ngày 12/11/2018. Ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi cháu Nguyễn Quốc V và chị yêu cầu anh B phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung 2.000.000 đồng/01 tháng.

Hiện nay chị đang làm thợ may cho Công ty TNHH Hải Phát HDIDAS, chị may sản phẩm cho công ty tại nhà do Công ty cho chị mang sản phẩm về nhà làm, thu nhập bình quân của chị khoảng 8.000.000 đồng/ 01 tháng nên chị có đủ thời gian cũng như điều kiện để chăm sóc cháu V.

Về tài sản chung, công sức, công nợ: Chị không yêu cầu giải quyết.

*** Bị đơn – Anh Nguyễn Văn B trình bày:**

Về hôn nhân: Anh thừa nhận thời điểm anh kết hôn với chị Bùi Thị H và nơi vợ chồng chung sống sau khi kết hôn như chị Bùi Thị H trình bày. Theo anh, quá trình chung sống giữa anh và chị H không có mâu thuẫn gì, chị H khai vợ chồng có mâu thuẫn là không đúng. Việc chị H có mâu thuẫn với phía gia đình anh nguyên nhân do đâu thì anh không rõ, khi anh từ nước ngoài về Việt Nam thì anh muốn dung hòa mối quan hệ giữa chị H với gia đình anh chứ anh không đứng về phía nào. Tuy nhiên, nay chị H đã tự ý bỏ đi đến G đẻ sinh sống và không muốn quay về và muốn ly hôn với anh thì anh đồng ý ly hôn để cả hai ổn định cuộc sống.

Về con chung: Anh và chị Bùi Thị H có 01 con chung là cháu Nguyễn Quốc V, sinh ngày 12/11/2018. Hiện cháu đang ở với chị H, thỉnh thoảng anh vẫn đón con về nhà chơi. Ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi con dưỡng cháu Nguyễn Quốc V vì chị H hiện không có nơi ở ổn định, công việc cũng không ổn định nên ảnh hưởng đến việc chăm sóc cháu V. Anh B có xưởng may tại nhà nên anh nhận thấy có đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung tốt hơn chị H. Trong trường hợp chị H được nuôi dưỡng con chung thì anh không đồng ý cấp dưỡng tiền nuôi con chung theo yêu cầu của chị H và việc cấp dưỡng sẽ do anh tự nguyện và thực hiện theo cách của riêng anh. Nếu anh được nuôi con thì anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, công sức, công nợ: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

+ Chị Bùi Thị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh Nguyễn Văn B và giữ nguyên quan điểm được nuôi dưỡng con chung. Về cấp dưỡng tiền nuôi con chung do trước đây chị H muốn anh B có trách nhiệm với con chung còn bản thân chị cũng đủ điều kiện về kinh tế để nuôi dưỡng con chung, nhưng đến nay chị H không yêu cầu anh Nguyễn Văn B phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung mà chị H để anh B tự nguyện.

+ Anh Nguyễn Văn B giữ nguyên quan điểm là đồng ý ly hôn với chị H và giữ nguyên quan điểm về việc anh B có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung vì điều kiện về nơi ở, sinh hoạt cũng như về kinh tế thì anh nhận thấy anh có điều kiện chăm sóc con chung hơn chị H. Nếu anh không được nuôi dưỡng con chung thì về cấp dưỡng tiền nuôi con chung anh sẽ tự có trách nhiệm với cháu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ có quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Các đương sự: Chị Bùi Thị H, anh Nguyễn Văn B đã chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án;

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Văn B; *về con chung:* Đề nghị giao con chung là cháu Nguyễn Quốc V cho chị H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành, anh B không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung; *về tài sản chung, công nợ, công sức:* Không xem xét; *Về án phí:* Chị Bùi Thị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn B có hộ khẩu thường trú và hiện đang cư trú tại thôn A, xã C, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, việc giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] *Về hôn nhân:* Chị Bùi Thị H kết hôn với anh Nguyễn Văn B năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội nên hôn nhân giữa chị H và anh B là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, chị H cho rằng giữa chị và gia đình nhà chồng có mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng có bất đồng về quan điểm sống và tình cảm vợ chồng nhạt phai nên chị xin ly hôn với anh B để ổn định cuộc sống. Anh B cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn nhưng nay chị H xin ly hôn thì anh đồng ý ly hôn với chị H.

Xét thấy: Tình cảm vợ chồng để đoàn tụ, cùng nhau xây dựng hạnh phúc cần có sự mong muốn từ hai phía (*chị H và anh B*). Chị H và anh B hiện đã sống ly thân được một thời gian tương đối dài. Trong thời gian ly thân, giữa chị H và anh B đều

không có giải pháp để cải thiện quan hệ vợ chồng. Nay chị H cương quyết xin ly hôn, anh B đồng ý ly hôn với chị H nên cần xác định mâu thuẫn giữa chị H và anh B đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị H và công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị H và anh B để cả hai ổn định cuộc sống.

[2.2] *Về con chung*: Chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Văn B có 01 con chung là cháu Nguyễn Quốc V, sinh ngày 12/11/2018. Chị H và cháu Việt hiện đang ở cùng nhau tại tỉnh G, cháu Việt hiện đang đi học mầm non tại Trường Mầm non Đức Hợp, huyện E, tỉnh G. Ly hôn, cả chị H và anh B đều có nguyện vọng được nuôi con con chung và cả chị H và anh B đều không bị hạn chế quyền của cha mẹ đối với việc nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên, từ khi cháu Nguyễn Quốc V sinh ra cho đến nay đều do chị H trực tiếp nuôi dưỡng, cháu Việt hiện còn nhỏ nên cần có sự chăm sóc của người mẹ. Để ổn định trong sinh hoạt và học tập của cháu Việt nên cần giao cháu Việt cho chị H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Việt đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

Anh Nguyễn Văn B có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

[2.3] *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Anh Nguyễn Văn B không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung, việc cấp dưỡng nuôi con chung sẽ do anh B tự nguyện.

[2.4] *Về tài sản chung, công sức, công nợ*: Không xem xét.

[2.5] *Về án phí*: Chị Bùi Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

[1]. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Bùi Thị H và anh Nguyễn Văn B.

[2]. Về con chung: Chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Văn B có 01 con chung là cháu Nguyễn Quốc V, sinh ngày 12/11/2018. Giao cháu Nguyễn Quốc V cho chị Bùi Thị H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Nguyễn Quốc V đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

Anh Nguyễn Văn B có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nguyễn Văn B không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Nguyễn Văn B cho đến khi các bên có yêu cầu.

[3]. Về tài sản, công nợ chung, công sức: Không xem xét.

[4]. Về án phí: Chị Bùi Thị H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Chị Bùi Thị H đã nộp 300.000 đồng (*theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/0076096 ngày 26 tháng 7 năm 2022*) tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

[5]. Về quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Văn B có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn **15** ngày kể từ ngày tuyên án.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND Tp Hà Nội;
- VKSND huyện Chương Mỹ,
- CC.THA DS huyện Chương Mỹ;
- UBND xã C (Số 48/2018);
- Các đương sự;
- Lưu HSV/VP.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoàng L

